



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	0810211717	Bùi Duy	Hưng	19/10/2002	KD8G	12					HP
2	000002	0901010210	Lê Nguyễn Phương	Nhi	17/12/2003	KD9K	12					ĐK
3	000003	0901020304	Nguyễn Thị Thu	Hồng	06/06/2003	KD9M	12					HP,ĐK
4	000004	0901020068	Hà Huyền	Linh	16/01/2003	KD9M	12					HP,ĐK
5	000005	0901020497	Đào Ngọc	Minh	24/11/2003	KD9M	12					ĐK
6	000006	0901020303	Phan Thị Huyền	Trang	04/10/2003	KD9M	12					HP,ĐK
7	000007	1001011456	Hoàng Mỹ	Anh	09/11/2004	TC10A	12					
8	000008	1001011457	Nguyễn Phương	Anh	25/12/2004	TC10A	12					
9	000009	1001010753	Nguyễn Tuấn	Anh	30/10/2004	TC10A	12					
10	000010	1001010755	Quách Duy	Anh	25/10/2004	TC10A	12					
11	000011	1001011387	Nguyễn Thị	Chuyên	09/03/2004	TC10A	12					
12	000012	1001010762	Nguyễn Tiến	Đạt	26/05/2004	TC10A	12					
13	000013	1001010763	Lê Ngọc	Diệp	10/06/2004	TC10A	12					
14	000014	1001010765	Nguyễn Hoàng	Đức	20/10/2004	TC10A	12					
15	000015	1001010767	Nguyễn Mỹ	Dung	11/11/2004	TC10A	12					
16	000016	1001010437	Vũ Hồng	Hạnh	29/05/2004	TC10A	12					
17	000017	1001010783	Lương Trung	Hiếu	09/09/2004	TC10A	12					
18	000018	1001011236	Bùi Thị	Hương	10/10/2003	TC10A	12					
19	000019	1001010797	Lê Anh	Khánh	03/09/2004	TC10A	12					
20	000020	1001010798	Phạm Duy	Khiêm	26/04/2004	TC10A	12					
21	000021	1001010801	Nguyễn Tùng	Lâm	26/09/2004	TC10A	12					
22	000022	1001010803	Cao Ngọc	Lan	19/08/2004	TC10A	12					
23	000023	1001011363	Nguyễn Thảo	Linh	19/10/2003	TC10A	12					
24	000024	1001011365	Hàn Ngọc	Long	13/12/2004	TC10A	12					
25	000025	1001010818	Trịnh Phúc	Long	17/04/2004	TC10A	12					
26	000026	1001011393	Trần Khánh	Ly	31/03/2003	TC10A	12					
27	000027	1001011453	Đào Ngọc	Minh	18/07/2004	TC10A	12					
28	000028	1001010828	Nguyễn Lương	Minh	02/08/2004	TC10A	12					
29	000029	1001010834	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	15/09/2004	TC10A	12					
30	000030	1001010835	Phạm Hồng	Ngọc	20/04/2004	TC10A	12					
31	000031	1001010229	Đỗ Thị Thảo	Nhi	23/01/2004	TC10A	12					
32	000032	1001010844	Trần Hoàng	Phong	09/05/2004	TC10A	12					
33	000033	1001010849	Đỗ Minh	Quân	02/02/2004	TC10A	12					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000034	1001010852	Lê Phú	Quý	03/08/2003	TC10A	12					
2	000035	1001010905	Phạm Trọng	Tài	16/12/2004	TC10A	12					
3	000036	1001010862	Nguyễn Tiến	Thành	26/05/2004	TC10A	12					
4	000037	1001010864	Hoàng Thị	Thảo	15/04/2003	TC10A	12					
5	000038	1001010868	Lý Trí	Thiên	03/09/2004	TC10A	12					
6	000039	1001010870	Vũ Minh	Thu	25/02/2004	TC10A	12					
7	000040	1001010871	Đỗ Thu	Thuận	26/12/2002	TC10A	12					
8	000041	1001010873	Nguyễn Thu	Thủy	15/12/2004	TC10A	12					
9	000042	1001010878	Lê Quang	Toàn	17/03/2004	TC10A	12					
10	000043	1001011383	Bùi Phương	Trang	23/12/2004	TC10A	12					
11	000044	1001010881	Hà Thị Thu	Trang	08/02/2004	TC10A	12					
12	000045	1001010889	Nguyễn Phương	Uyên	13/07/2004	TC10A	12					HP
13	000046	1001010890	Lăng Quốc	Việt	29/10/2004	TC10A	12					
14	000047	0901010425	Phạm Nguyễn Mai	Anh	03/10/2003	TC9B	12					
15	000048	0901010302	Vũ Ngọc	Anh	04/01/2003	TC9B	12					HP
16	000049	0901010246	Hoàng Thái	Hà	27/10/2003	TC9B	12					
17	000050	0901010465	Quách Gia	Lân	23/11/2003	TC9B	12					
18	000051	0901030724	Đỗ Xuân	Thành	01/07/2003	TC9B	12					HP,ĐK
19	000052	0901010706	Quách Thị	Tuyết	02/10/2003	TC9B	12					
20	000053	0901060667	Nguyễn Văn	Hưng	14/10/2003	KA9A	13					
21	000054	0901060723	Nguyễn Trí	Phong	05/12/2003	KA9A	13					
22	000055	1001010821	Nguyễn Khoa	Lý	12/08/2004	TC10A	13					
23	000056	1001011337	Nguyễn Thị Tường	An	10/03/2004	TC10B	13					
24	000057	1001011340	Hoàng Quỳnh	Anh	19/01/2004	TC10B	13					
25	000058	1001011441	Nguyễn Đào Vi	Anh	22/09/2001	TC10B	13					
26	000059	1001010750	Nguyễn Ngọc	Anh	20/11/2004	TC10B	13					
27	000060	1001010752	Nguyễn Trần Quỳnh	Anh	10/08/2004	TC10B	13					ĐK
28	000061	1001010754	Phạm Mai Quỳnh	Anh	11/06/2004	TC10B	13					
29	000062	1001010756	Vũ Hoàng	Anh	12/10/2004	TC10B	13					
30	000063	1001010757	Hán Mạnh	Cường	17/05/2004	TC10B	13					
31	000064	1001011687	Đặng Hà	Đông	01/12/2004	TC10B	13					
32	000065	1001010780	Nguyễn Minh	Hải	26/04/2004	TC10B	13					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000066	1001011348	Lộc Tuyết	Hậu	27/08/2004	TC10B	13					
2	000067	1001011739	Lê Xuân	Hòa	09/08/2004	TC10B	13					
3	000068	1001010786	Nguyễn Văn	Hoàn	29/12/2004	TC10B	13					
4	000069	1001011692	Đỗ Thị	Hường	02/12/2004	TC10B	13					
5	000070	1001010794	Nguyễn Khánh	Huyền	04/11/2004	TC10B	13					
6	000071	1001010795	Nguyễn Ngọc	Huyền	06/09/2004	TC10B	13					
7	000072	1001010796	Phạm Thị Thanh	Huyền	25/06/2004	TC10B	13					
8	000073	1001011359	Nguyễn Thị	Lam	14/11/2004	TC10B	13					
9	000074	1001010802	Nguyễn Tùng	Lâm	12/03/2004	TC10B	13					
10	000075	1001030597	Đoàn Gia	Linh	14/10/2003	TC10B	13					
11	000076	1001010811	Ngô Hoàng Thùy	Linh	05/08/2004	TC10B	13					
12	000077	1001010817	Mã Đức	Long	13/12/2004	TC10B	13					
13	000078	1001010820	Nguyễn Khánh	Ly	18/06/2004	TC10B	13					
14	000079	1001010826	Lê Hoàng	Minh	21/09/2004	TC10B	13					ĐK
15	000080	1001010831	Đặng Xuân	Nam	23/11/2004	TC10B	13					
16	000081	1001010215	Trần Trọng	Nghĩa	05/10/2004	TC10B	13					
17	000082	1001010840	Mã Thảo	Nhi	25/01/2004	TC10B	13					
18	000083	1001010848	Trần Mai	Phương	29/12/2004	TC10B	13					
19	000084	1001010850	Nguyễn Hoàng	Quân	27/08/2004	TC10B	13					
20	000085	1001010855	Vũ Ngọc	Son	24/07/2004	TC10B	13					
21	000086	1001010857	Hoàng Hà Băng	Tâm	10/08/2004	TC10B	13					
22	000087	1001010867	Phạm Phương	Thảo	13/02/2004	TC10B	13					
23	000088	1001011460	Đỗ Đức	Thịnh	05/01/2004	TC10B	13					
24	000089	1001011455	Hoàng Hà Anh	Thư	26/02/2004	TC10B	13					
25	000090	1001011467	Đàm Phương	Thùy	19/10/2004	TC10B	13					
26	000091	1001010879	Hà Ngọc	Trà	02/05/2004	TC10B	13					
27	000092	1001011454	Đặng Quỳnh	Trang	07/10/2002	TC10B	13					
28	000093	0901010764	Lê Thị Kiều	Trang	16/01/2003	TC10B	13					
29	000094	1001010891	Hoàng Anh	Vũ	26/08/2004	TC10B	13					
30	000095	1001010894	Nguyễn Thị	Xuân	09/05/2004	TC10B	13					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000096	1001060346	Nguyễn Thành	An	14/11/2004	KA10A	14					
2	000097	1001060347	Đỗ Thị Phương	Anh	21/08/2004	KA10A	14					
3	000098	1001061438	Lý Thị Kim	Anh	09/03/2004	KA10A	14					
4	000099	1001060348	Nguyễn Hoàng	Anh	26/09/2004	KA10A	14					
5	000100	1001060349	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	12/11/2004	KA10A	14					
6	000101	1001060350	Nguyễn Thị Phương	Anh	03/09/2004	KA10A	14					
7	000102	1001060351	Vũ Hà Thanh	Bình	10/11/2004	KA10A	14					
8	000103	1001060353	Đinh Đức	Giáp	27/10/2004	KA10A	14					
9	000104	1001060355	Nguyễn Việt	Hà	12/07/2004	KA10A	14					
10	000105	1001061095	Ngô Thị Ngọc	Hoài	16/06/2004	KA10A	14					
11	000106	1001060359	Đào Ngọc	Hoàn	23/12/2004	KA10A	14					
12	000107	1001060361	Phạm Thu	Hương	18/08/2004	KA10A	14					
13	000108	1001060363	Vũ Mai	Hương	26/11/2004	KA10A	14					
14	000109	1001060365	Nguyễn Thanh	Huyền	02/10/2004	KA10A	14					
15	000110	1001060366	Trần Khánh	Huyền	23/11/2004	KA10A	14					
16	000111	1001061429	Triệu Tài	Lương	23/09/2000	KA10A	14					
17	000112	1001060368	Nguyễn Thị Thanh	Minh	27/12/2004	KA10A	14					
18	000113	1001061025	Phạm Thị Phương	Nga	13/02/2004	KA10A	14					
19	000114	1001060369	Vũ Đoàn Anh	Ngọc	19/12/2004	KA10A	14					
20	000115	1001061430	Nguyễn Thị Hoài	Thu	29/11/2004	KA10A	14					
21	000116	1001060372	Ngô Hồng	Thư	20/01/2004	KA10A	14					
22	000117	1001060373	Nguyễn Thủy	Tiên	24/01/2004	KA10A	14					
23	000118	1001060374	Nguyễn Trung	Tiến	18/08/2004	KA10A	14					
24	000119	1001061431	Nguyễn Đức	Trường	16/10/2003	KA10A	14					
25	000120	1001061083	Cam Thảo	Vân	16/07/2004	KA10A	14					
26	000121	1001060379	Đỗ Thúy	Xoan	22/10/2004	KA10A	14					
27	000122	1001060381	Phạm Hoàng	Yến	18/07/2004	KA10A	14					
28	000123	0901060388	Nguyễn Minh	Anh	30/06/2003	KD9K	14					
29	000124	0901020551	Hoàng Hương	Giang	21/09/2003	KD9K	14					
30	000125	0901020288	Nguyễn Ngọc	Anh	09/06/2003	KD9M	14					
31	000126	0901030326	Phạm Thị	Doanh	07/07/2003	KD9M	14					
32	000127	0901020310	Chu Thị	Hài	15/11/2003	KD9M	14					
33	000128	1001020926	Phạm Thị Thúy	An	11/11/2004	KD10A	15					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000129	1001020024	Dương Phương	Anh	08/10/2004	KD10A	15					
2	000130	1001021472	Lục Thảo	Anh	29/02/2004	KD10A	15					HP
3	000131	1001020931	Nguyễn Minh	Anh	09/07/2004	KD10A	15					
4	000132	1001020044	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	03/01/2003	KD10A	15					
5	000133	1001020004	Nguyễn Tuấn	Anh	22/05/2000	KD10A	15					
6	000134	1001021513	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	10/12/2004	KD10A	15					
7	000135	1001020067	Trần Thị Ngọc	Ánh	07/12/2003	KD10A	15					
8	000136	1001020073	Hà Linh	Chi	17/12/2004	KD10A	15					HP
9	000137	1001020077	Nguyễn Thanh	Chúc	02/08/2004	KD10A	15					
10	000138	1001021402	Vũ Phương	Đông	10/01/2004	KD10A	15					
11	000139	1001020092	Đào Thị Thùy	Dương	05/11/2004	KD10A	15					
12	000140	1001020097	Phạm Thị Mỹ	Duyên	27/07/2004	KD10A	15					
13	000141	1001020102	Đặng Thị Thu	Hà	28/09/2004	KD10A	15					
14	000142	1001020111	Nguyễn Đức	Hải	23/09/2004	KD10A	15					
15	000143	1001020969	Hoàng Thu	Hiền	22/12/2004	KD10A	15					
16	000144	1001020121	Hoàng Thu	Hiền	30/04/2004	KD10A	15					HP
17	000145	1001020970	Trịnh Thị Ngọc	Hiền	24/11/2004	KD10A	15					
18	000146	1001020974	Trần Thu	Hoài	14/09/2004	KD10A	15					
19	000147	1001020134	Hoàng Thị	Huế	06/08/2004	KD10A	15					
20	000148	1001020976	Hoàng Tuấn	Hùng	17/08/2003	KD10A	15					
21	000149	1001020140	Lan	Hương	08/07/2004	KD10A	15					
22	000150	1001020149	Lê Phương Khánh	Huyền	09/07/2004	KD10A	15					
23	000151	1001021410	Trần Thị Thanh	Huyền	29/09/2003	KD10A	15					
24	000152	1001021360	Bùi Thị Thu	Lan	09/07/2004	KD10A	15					
25	000153	1001020162	Đỗ Phương	Liên	11/05/2004	KD10A	15					
26	000154	1001020166	Đồng Thị Ngọc	Linh	25/08/2004	KD10A	15					
27	000155	1001020178	Thân Ánh	Linh	20/09/2004	KD10A	15					
28	000156	1001020179	Trần Như	Linh	20/12/2004	KD10A	15					
29	000157	1001020185	Nguyễn Khánh	Ly	03/09/2004	KD10A	15					
30	000158	1001021017	Nguyễn Ngọc	Mai	19/03/2004	KD10A	15					
31	000159	1001021409	Vũ Thị Phương	Mai	25/08/2003	KD10A	15					
32	000160	1001020212	Trần Ánh	Ngân	12/08/2004	KD10A	15					
33	000161	1001020213	Trần Thị	Ngân	09/11/2004	KD10A	15					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000162	1001020220	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	20/11/2004	KD10A	15					
2	000163	1001020226	Bùi Thị Lan	Nhi	08/07/2004	KD10A	15					
3	000164	1001021036	Ngô Thị Yến	Nhi	11/12/2004	KD10A	15					
4	000165	1001021038	Hà Thị	Nhung	04/02/2004	KD10A	15					
5	000166	1001020244	Trần Thục	Oanh	30/03/2004	KD10A	15					
6	000167	1001020264	Phạm Như	Quỳnh	23/10/2004	KD10A	15					
7	000168	1001020685	Đào Diễm	Tâm	23/10/2004	KD10A	15					
8	000169	1001020275	Khúc Phương	Thảo	21/12/2004	KD10A	15					
9	000170	1001021057	Nguyễn Phương	Thảo	16/10/2004	KD10A	15					
10	000171	1001020284	Nhạc Thị Thanh	Thảo	15/02/2004	KD10A	15					
11	000172	1001021064	Trịnh Anh	Thơ	29/08/2004	KD10A	15					
12	000173	1001020294	Vũ Thị Thanh	Thư	30/10/2004	KD10A	15					
13	000174	1001020300	Vũ Thu	Thủy	23/07/2004	KD10A	15					
14	000175	1001020309	Đỗ Quỳnh	Trang	20/08/2004	KD10A	15					
15	000176	1001020314	Nguyễn Thị	Trang	08/08/2004	KD10A	15					
16	000177	1001021580	Phạm Thị	Trinh	06/12/2004	KD10A	15					HP
17	000178	1001020329	Nguyễn Thị Tố	Uyên	23/04/2004	KD10A	15					
18	000179	1001020331	Ngô Thị Thùy	Vân	22/01/2004	KD10A	15					
19	000180	1001020338	Nguyễn Thị Ngọc	Vui	31/07/2004	KD10A	15					
20	000181	1001021089	Ngô Hải	Yến	24/10/2004	KD10A	15					
21	000182	0901060257	Nguyễn Thị Tuyết	Chinh	22/03/2003	KD9K	15					
22	000183	0901020066	Đặng Hồng	Thắm	04/03/2003	KD9K	15					
23	000184	0901030851	Bùi Thị	Trang	13/12/2002	KD9K	15					
24	000185	0901020382	Đỗ Thu	Trang	04/03/2003	KD9K	15					
25	000186	0901040699	Đỗ Cẩm	Vân	09/11/2003	TC9B	15					
26	000187	1001020018	Đặng Tú	Anh	21/03/2004	KD10B	16					
27	000188	1001020472	Lương Tuấn	Anh	06/08/2004	KD10B	16					
28	000189	1001020040	Nguyễn Phương	Anh	18/09/2004	KD10B	16					
29	000190	1001020045	Nguyễn Thị Phương	Anh	06/08/2004	KD10B	16					
30	000191	1001020055	Trần Thị Vân	Anh	01/11/2004	KD10B	16					
31	000192	1001020063	Phạm Thị Ngọc	Ánh	21/07/2004	KD10B	16					
32	000193	0901020124	Nguyễn Quỳnh	Chi	10/01/2003	KD10B	16					
33	000194	1001020078	Đỗ Mạnh	Cường	09/11/2004	KD10B	16					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000195	1001020084	Đỗ Thị Thùy	Dung	28/03/2004	KD10B	16					
2	000196	1001020956	Nguyễn Thị Ngọc	Dương	25/10/2004	KD10B	16					HP,ĐK
3	000197	1001021408	Cao Thị	Giang	19/10/2004	KD10B	16					
4	000198	1001020103	Lê Thu	Hà	26/12/2004	KD10B	16					
5	000199	1001020120	Dương Thị	Hiền	20/07/2004	KD10B	16					
6	000200	1001020122	Trịnh Thị Thanh	Hiền	17/10/2002	KD10B	16					
7	000201	1001020132	Nguyễn Đức	Hoàn	20/08/2004	KD10B	16					
8	000202	1001020136	Lê Mạnh	Hùng	06/11/2004	KD10B	16					
9	000203	1001021403	Ngô Thị	Hương	24/05/2004	KD10B	16					
10	000204	1001020983	Trần Vũ Lan	Hương	25/01/2004	KD10B	16					
11	000205	1001021750	Lê Thị	Huyền	30/04/2004	KD10B	16					
12	000206	1001021416	Nguyễn Thị Minh	Khuê	30/08/2004	KD10B	16					
13	000207	1001020159	Đào Hoàng	Lan	15/11/2004	KD10B	16					
14	000208	1001020174	Nguyễn Nhật	Linh	08/12/2003	KD10B	16					
15	000209	1001020182	Vũ Thùy	Linh	25/08/2004	KD10B	16					
16	000210	1001020186	Nguyễn Phương	Ly	13/11/2004	KD10B	16					
17	000211	1001020192	Nguyễn Phan Thị Xuân Mai		21/12/2004	KD10B	16					
18	000212	1001020198	Phạm Thị	Mến	23/07/2004	KD10B	16					
19	000213	1001020214	Hà Trọng	Nghĩa	24/03/2003	KD10B	16					
20	000214	1001020222	Trịnh Minh	Ngọc	30/06/2004	KD10B	16					
21	000215	1001020232	Nguyễn Tuyết	Nhi	28/09/2004	KD10B	16					
22	000216	1001020239	Lê Hồng	Nhung	04/02/2004	KD10B	16					
23	000217	1001020245	Vũ Hương	Oanh	20/08/2004	KD10B	16					
24	000218	1001020252	Nhâm Trần Mai	Phương	16/05/2003	KD10B	16					
25	000219	1001020259	Chu Thị	Quyên	17/08/2004	KD10B	16					
26	000220	1001021051	Phạm Như	Quỳnh	02/10/2004	KD10B	16					
27	000221	1001020268	Đỗ Thanh	Tâm	20/12/2004	KD10B	16					
28	000222	1001020273	Đinh Thị Thanh	Thảo	19/08/2004	KD10B	16					
29	000223	1001020276	Lê Phương	Thảo	20/09/2004	KD10B	16					
30	000224	1001021427	Nguyễn Thị	Thảo	30/05/2004	KD10B	16					
31	000225	1001020301	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	03/06/2004	KD10B	16					
32	000226	1001020899	Nguyễn Quỳnh Ngọc	Trân	17/12/2004	KD10B	16					
33	000227	1001020315	Nguyễn Thị Kiều	Trang	24/07/2004	KD10B	16					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000228	1001020316	Nguyễn Thị Thu	Trang	15/08/2004	KD10B	16					
2	000229	1001021080	Lê Thanh	Trúc	07/05/2004	KD10B	16					
3	000230	1001020327	Bùi Cát	Tường	27/11/2004	KD10B	16					
4	000231	1001020330	Trịnh Thu	Uyên	01/01/2004	KD10B	16					
5	000232	1001021444	Nguyễn Hoàng Yến	Vy	31/07/2004	KD10B	16					
6	000233	1001020345	Trịnh Thị Hải	Yến	20/07/2004	KD10B	16					
7	000234	0901020171	Vũ Thu	Phuong	10/10/2003	KD9H	16					HP
8	000235	0901010755	Bùi Thị	Thảo	21/01/2003	KD9H	16					
9	000236	0901020157	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	22/08/2003	KD9H	16					
10	000237	1001020019	Đinh Thị Lan	Anh	08/04/2004	KD10C	17					
11	000238	1001020025	Hoàng Thị Mai	Anh	02/08/2004	KD10C	17					
12	000239	1001020034	Ngô Ngọc	Anh	05/12/2004	KD10C	17					
13	000240	1001020041	Nguyễn Phương	Anh	24/07/2004	KD10C	17					
14	000241	1001021425	Nguyễn Thị Phương	Anh	17/12/2004	KD10C	17					
15	000242	1001020934	Nguyễn Thị Phương	Anh	26/02/2004	KD10C	17					
16	000243	1001021405	Trịnh Ngọc	Anh	21/06/2004	KD10C	17					
17	000244	1001020062	Phạm Hồng	Ánh	19/08/2004	KD10C	17					
18	000245	1001020946	Lê Thảo	Chi	15/02/2004	KD10C	17					HP
19	000246	1001020075	Nguyễn Thị Mai	Chi	24/09/2004	KD10C	17					
20	000247	1001020080	Hoàng Anh	Đào	24/10/2002	KD10C	17					
21	000248	1001020085	Lê Thị Thùy	Dung	05/12/2004	KD10C	17					
22	000249	1001020087	Nguyễn Thị Thanh	Dung	17/03/2004	KD10C	17					
23	000250	1001020093	Nguyễn Thị Thùy	Dương	30/05/2004	KD10C	17					
24	000251	1001020112	Bùi Thanh	Hằng	19/12/2004	KD10C	17					
25	000252	1001020968	Đỗ Thị Thu	Hiền	22/01/2004	KD10C	17					
26	000253	1001020123	Nguyễn Minh	Hiền	27/11/2004	KD10C	17					
27	000254	1001020133	Đường Huy	Hoàng	10/01/2004	KD10C	17					
28	000255	1001020141	Ngô Thu	Hương	12/03/2003	KD10C	17					
29	000256	1001020145	Cao Đức	Huy	28/08/2004	KD10C	17					
30	000257	1001020442	Nguyễn Thị Minh	Huyền	02/12/2004	KD10C	17					
31	000258	1001020154	Nguyễn Minh	Khuong	06/10/2003	KD10C	17					HP,ĐK
32	000259	1001021442	Đoàn Khánh	Linh	15/01/2004	KD10C	17					
33	000260	1001020168	Lê Thị Ngọc	Linh	10/11/2004	KD10C	17					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000261	1001021014	Trần Khánh	Ly	09/10/2004	KD10C	17					
2	000262	1001021411	Đỗ Thị Ngọc	Minh	10/08/2004	KD10C	17					
3	000263	1001020207	Nguyễn Thị Ngọc	Nam	08/04/2004	KD10C	17					
4	000264	1001021412	Cao Thị Bích	Ngọc	20/09/2004	KD10C	17					
5	000265	1001021032	Trương Thị	Ngọc	30/07/2004	KD10C	17					
6	000266	1001020227	Đào Yến	Nhi	18/11/2004	KD10C	17					
7	000267	1001021406	Nguyễn Tuyết	Nhi	13/12/2004	KD10C	17					
8	000268	1001020240	Nguyễn Hồng	Nhung	31/12/2004	KD10C	17					
9	000269	1001021559	Vương Minh	Phú	18/10/2004	KD10C	17					
10	000270	1001020846	Nguyễn Quỳnh	Phương	11/07/2004	KD10C	17					
11	000271	1001021049	Lưu Thị Hồng	Quỳnh	18/12/2004	KD10C	17					
12	000272	1001021050	Lại Thị Như	Quỳnh	25/01/2004	KD10C	17					
13	000273	0810211753	Lý Thị Thanh	Tâm	06/08/2002	KD10C	17					
14	000274	1001021407	Ngô Minh	Tâm	08/08/2004	KD10C	17					
15	000275	1001021413	Nguyễn Phương	Thảo	16/06/2004	KD10C	17					
16	000276	1001021058	Nguyễn Phương	Thảo	17/08/2004	KD10C	17					
17	000277	1001021061	Phạm Phương	Thảo	26/08/2004	KD10C	17					
18	000278	1001020286	Phùng Lê Phương	Thảo	17/09/2004	KD10C	17					
19	000279	1001020371	Nguyễn Thị Ngọc	Thom	01/07/2004	KD10C	17					
20	000280	1001021066	Nguyễn Thị Hoài	Thương	18/11/2004	KD10C	17					
21	000281	1001021072	Nguyễn Ngọc	Trâm	28/10/2003	KD10C	17					
22	000282	1001020310	Lê Thị Thùy	Trang	08/03/2004	KD10C	17					
23	000283	1001021575	Luận Thị	Trang	18/08/2004	KD10C	17					
24	000284	1001021590	Nguyễn Quỳnh	Trang	12/10/2004	KD10C	17					
25	000285	1001021318	Nguyễn Thị Thu	Trang	01/11/2004	KD10C	17					
26	000286	1001020324	Lò Hà	Trung	27/12/2004	KD10C	17					
27	000287	1001020328	Lê Ngọc Tài	Tuyền	05/02/2004	KD10C	17					
28	000288	1001020339	Nguyễn Thị	Xuân	13/07/2004	KD10C	17					
29	000289	0901020421	Đào Mạnh	Son	02/11/2003	KD9G	17					
30	000290	0901020196	Nguyễn Thanh	Toàn	18/10/2003	KD9G	17					
31	000291	0901020330	Trương Hồ Huyền	Trang	22/09/2001	KD9G	17					
32	000292	0901010685	Bùi Tuyết	Hoa	31/07/2003	KD9M	17					
33	000293	0901020484	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	06/09/2003	KD9M	17					
34	000294	0901020658	Nguyễn Trọng	Minh	12/07/2003	KD9M	17					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000295	0901060837	Nguyễn Thị	Mai	23/02/2003	KA9A	18					
2	000296	0901020925	Nguyễn Trà	My	12/07/2003	KA9A	18					
3	000297	0901020273	Nguyễn Tô	Uyên	24/09/2003	KA9A	18					
4	000298	1001020020	Đỗ Hải	Anh	15/12/2004	KD10D	18					
5	000299	1001020026	Hoàng Thị Phương	Anh	03/02/2004	KD10D	18					
6	000300	1001020035	Nguyễn Châu	Anh	11/12/2004	KD10D	18					
7	000301	1001020047	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	17/10/2004	KD10D	18					
8	000302	1001020050	Nguyễn Việt	Anh	23/08/2004	KD10D	18					
9	000303	1001021133	Trần Thị Kiều	Anh	05/08/2004	KD10D	18					
10	000304	1001020056	Vũ Nguyễn Hải	Anh	15/12/2004	KD10D	18					
11	000305	1001020068	Nguyễn Ngọc	Bích	30/06/2004	KD10D	18					HP,ĐK
12	000306	1001020499	Nguyễn Thị Bảo	Chi	08/09/2004	KD10D	18					
13	000307	1001021516	Nguyễn Thị Anh	Đào	13/02/2004	KD10D	18					
14	000308	1001020094	Nguyễn Thuý	Dương	12/02/2004	KD10D	18					
15	000309	1001021519	Nguyễn Thị Thu	Giang	18/09/2004	KD10D	18					
16	000310	1001020105	Nguyễn Thị Thanh	Hà	06/06/2004	KD10D	18					
17	000311	1001020964	Lê Thị Thu	Hằng	04/01/2004	KD10D	18					
18	000312	1001020127	Nguyễn Phương	Hoa	22/10/2004	KD10D	18					
19	000313	1001020135	Lê Thị	Huế	26/01/2004	KD10D	18					HP,ĐK
20	000314	1001020137	Đinh Lê Quốc	Hưng	03/06/2004	KD10D	18					
21	000315	1001020979	Nguyễn Lan	Hương	25/12/2004	KD10D	18					
22	000316	1001021419	Nguyễn Thị Diệu	Hương	29/07/2004	KD10D	18					
23	000317	1001021098	Đỗ Quang	Huy	18/12/2002	KD10D	18					
24	000318	1001020150	Nguyễn Thị Thu	Huyền	18/02/2004	KD10D	18					
25	000319	1001020153	Trần Quang	Khởi	21/11/2004	KD10D	18					
26	000320	1001020155	Lê Thị Vân	Kiều	06/08/2004	KD10D	18					
27	000321	1001020999	Đỗ Diệu	Linh	24/10/2004	KD10D	18					
28	000322	1001020169	Lê Thị Thùy	Linh	26/12/2004	KD10D	18					
29	000323	1001020176	Nguyễn Thị Khánh	Linh	23/01/2004	KD10D	18					
30	000324	1001020181	Trịnh Thùy	Linh	17/04/2004	KD10D	18					
31	000325	1001021010	Đỗ Ngọc Hương	Ly	25/09/2004	KD10D	18					
32	000326	1001020187	Dương Ngọc	Mai	31/05/2004	KD10D	18					
33	000327	1001020195	Tạ Ngọc	Mai	14/08/2004	KD10D	18					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000328	1001020199	Nguyễn Chiêu	Minh	08/07/2004	KD10D	18					
2	000329	1001021023	Nông Hoàng	Nam	18/04/2004	KD10D	18					
3	000330	1001020216	Lê Thị Bích	Ngọc	15/03/2004	KD10D	18					
4	000331	1001021614	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	02/12/2004	KD10D	18					
5	000332	1001020228	Đình Yến	Nhi	03/02/2004	KD10D	18					
6	000333	1001020233	Nguyễn Yến	Nhi	28/11/2004	KD10D	18					
7	000334	1001021121	Hoàng Hồng	Nhung	01/12/2004	KD10D	18					
8	000335	1001020241	Nguyễn Thị	Nhung	22/10/2003	KD10D	18					
9	000336	1001021122	Ngô Thị Kim	Oanh	13/05/2004	KD10D	18					
10	000337	1001020248	Đình Thị Quỳnh	Phương	25/10/2003	KD10D	18					
11	000338	1001021046	Nguyễn Thị Ánh	Phương	10/02/2004	KD10D	18					
12	000339	1001020260	Nguyễn Thị	Quyên	02/11/2004	KD10D	18					
13	000340	1001020269	Vũ Hồng	Thái	11/07/2004	KD10D	18					
14	000341	1001020278	Nguyễn Phương	Thảo	12/11/2004	KD10D	18					
15	000342	1001021439	Nguyễn Thạch	Thảo	03/07/2004	KD10D	18					
16	000343	1001020290	Phạm Thị	Thom	19/02/2004	KD10D	18					
17	000344	1001021670	Lê Ngọc	Thúy	02/06/2004	KD10D	18					ĐK
18	000345	1001020306	Nguyễn Thị Minh	Trâm	21/09/2004	KD10D	18					
19	000346	1001020317	Nguyễn Thị Thùy	Trang	05/09/2004	KD10D	18					
20	000347	1001020325	Lương Thị Ngọc	Tú	30/12/2004	KD10D	18					
21	000348	1001020334	Đặng Ngọc	Vinh	22/08/2004	KD10D	18					
22	000349	1001021086	Nguyễn Thị	Xuân	23/06/2004	KD10D	18					
23	000350	0810210173	Phạm Thu	Uyên	01/03/2002	KD8G	18					
24	000351	0901060221	Dương Thị Ngọc	Huyền	31/08/2003	KA9A	19					ĐK
25	000352	1001020021	Đỗ Phương	Anh	04/11/2004	KD10E	19					
26	000353	1001020029	Lê Quỳnh	Anh	24/11/2003	KD10E	19					
27	000354	1001020036	Nguyễn Hà	Anh	14/12/2004	KD10E	19					
28	000355	1001020042	Nguyễn Thị Lan	Anh	04/09/2004	KD10E	19					
29	000356	1001021102	Nguyễn Thị Thảo	Anh	09/10/2004	KD10E	19					
30	000357	1001020051	Nguyễn Việt	Anh	14/04/2003	KD10E	19					
31	000358	1001020057	Vũ Thảo	Anh	12/02/2004	KD10E	19					HP,ĐK
32	000359	1001020060	Nguyễn Thị	Ánh	23/11/2004	KD10E	19					
33	000360	1001021433	Đình Thành	Đạt	17/03/2004	KD10E	19					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000361	1001020088	Tạ Thùy	Dung	02/03/2004	KD10E	19					
2	000362	1001020095	Nguyễn Thùy	Dương	14/11/2004	KD10E	19					
3	000363	1001020113	Dương Thanh	Hằng	04/02/2004	KD10E	19					
4	000364	1001020116	Lê Thị	Hạnh	29/09/2004	KD10E	19					
5	000365	1001020117	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	06/02/2004	KD10E	19					
6	000366	1001020972	Trương Thị Hồng	Hoa	01/11/2004	KD10E	19					
7	000367	1001020789	Trịnh Thị	Huế	11/11/2004	KD10E	19					
8	000368	1001020139	Đường Thị	Hương	08/02/2004	KD10E	19					
9	000369	1001020980	Nguyễn Thị Lan	Hương	30/12/2004	KD10E	19					
10	000370	1001020151	Nguyễn Thu	Huyền	18/04/2004	KD10E	19					
11	000371	1001020156	Vũ Thị	Lam	05/10/2004	KD10E	19					
12	000372	1001020997	Trần Thị Hương	Lan	08/05/2004	KD10E	19					
13	000373	1001020163	Đỗ Thị	Linh	31/03/2004	KD10E	19					
14	000374	1001020601	Lưu Thùy	Linh	17/09/2004	KD10E	19					
15	000375	1001021421	Nguyễn Thị Thùy	Linh	26/02/2004	KD10E	19					
16	000376	1001021549	Nguyễn Thị Thùy	Linh	26/07/2004	KD10E	19					
17	000377	1001021012	Hoàng Hương	Ly	02/12/2004	KD10E	19					
18	000378	1001020189	Lê Ngọc	Mai	29/06/2004	KD10E	19					
19	000379	1001021424	Trần Ngọc	Mai	29/02/2004	KD10E	19					
20	000380	1001020200	Nguyễn Đức	Minh	28/02/2004	KD10E	19					
21	000381	1001020217	Lê Yến	Ngọc	17/12/2004	KD10E	19					
22	000382	1001020223	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	05/12/2004	KD10E	19					
23	000383	1001020234	Phùng Yến	Nhi	06/09/2004	KD10E	19					
24	000384	1001021039	Phan Thị Hồng	Nhung	14/05/2004	KD10E	19					
25	000385	1001021042	Dương Thanh	Phương	16/09/2004	KD10E	19					
26	000386	1001021560	Nguyễn Thùy	Phương	07/08/2004	KD10E	19					
27	000387	1001020253	Phạm Thị Thu	Phương	28/02/2004	KD10E	19					
28	000388	1001021418	Nguyễn Hồng	Son	15/11/2004	KD10E	19					
29	000389	1001020270	Đỗ Phương	Thanh	07/10/2004	KD10E	19					
30	000390	1001020279	Nguyễn Phương	Thảo	30/10/2004	KD10E	19					ĐK
31	000391	1001020282	Nguyễn Thanh	Thảo	28/08/2004	KD10E	19					
32	000392	1001021063	Trịnh Thu	Thảo	12/11/2002	KD10E	19					
33	000393	1001021572	Phan Thị	Thom	29/12/2003	KD10E	19					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000394	1001020299	Phạm Thị	Thủy	18/06/2004	KD10E	19					
2	000395	1001020307	Bùi Thị Huyền	Trang	19/06/2004	KD10E	19					
3	000396	1001020312	Lưu Thị Thủy	Trang	03/08/2004	KD10E	19					
4	000397	1001020318	Nguyễn Thu	Trang	26/06/2004	KD10E	19					
5	000398	1001020321	Phan Minh	Trang	31/10/2004	KD10E	19					
6	000399	1001021320	Trần Đặng Kiều	Trang	08/07/2004	KD10E	19					
7	000400	1001021579	Vũ Thị Kiều	Trang	15/01/2004	KD10E	19					
8	000401	1001020322	Vũ Thu	Trang	12/06/2004	KD10E	19					
9	000402	1001021581	Ngô Anh	Tú	24/10/2004	KD10E	19					
10	000403	1001021082	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	22/09/2004	KD10E	19					
11	000404	1001020335	Đinh Quang	Vinh	11/02/2004	KD10E	19					
12	000405	1001020340	Trần Thị Hương	Xuân	09/08/2004	KD10E	19					
13	000406	1001021446	Nguyễn Thị	Thoa	28/08/1999	KD10B	20					
14	000407	1001020332	Đỗ Hạ	Vi	28/05/2004	KD10B	20					
15	000408	1001020022	Đỗ Quốc	Anh	28/02/2004	KD10G	20					
16	000409	1001021417	Lưu Thị Quỳnh	Anh	17/08/2004	KD10G	20					
17	000410	1001020037	Nguyễn Hoàng	Anh	03/01/2004	KD10G	20					
18	000411	1001020048	Nguyễn Thị Vân	Anh	26/01/2004	KD10G	20					
19	000412	1001020485	Nông Thị Thục	Anh	23/08/2004	KD10G	20					
20	000413	1001020058	Chu Thị	Ánh	26/09/2004	KD10G	20					
21	000414	1001020065	Trần Ngọc	Ánh	17/09/2004	KD10G	20					
22	000415	1001020070	Nguyễn Như	Bình	10/11/2004	KD10G	20					
23	000416	1001020074	Nguyễn Thị Khánh	Chi	19/11/2004	KD10G	20					
24	000417	1001020947	Nguyễn Thị Lệ	Chi	05/07/2004	KD10G	20					
25	000418	1001020950	Đặng Ngọc	Diễm	21/12/2004	KD10G	20					
26	000419	1001020091	Phạm Quang	Dũng	25/11/2004	KD10G	20					
27	000420	1001020955	Đặng Thùy	Dương	21/04/2004	KD10G	20					
28	000421	1001020960	Phạm Hương	Giang	20/05/2004	KD10G	20					
29	000422	1001020108	Nguyễn Việt	Hà	09/10/2004	KD10G	20					
30	000423	0901020852	Vũ Mạnh	Hiếu	24/08/2003	KD10G	20					HP,ĐK
31	000424	1001021529	Trần Thị Thu	Hòa	13/09/2004	KD10G	20					
32	000425	1001020973	Nguyễn Thị	Hoài	28/07/2004	KD10G	20					
33	000426	1001020975	Đỗ Thị	Huệ	17/04/2004	KD10G	20					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000427	1001021423	Nguyễn Thị Mai	Hương	17/02/2004	KD10G	20					
2	000428	1001020147	Đỗ Thị Thúy	Huyền	03/04/2004	KD10G	20					
3	000429	1001020152	Phùng Khánh	Huyền	11/01/2004	KD10G	20					
4	000430	1001020157	Trần Thanh	Lâm	05/05/2004	KD10G	20					
5	000431	1001020367	Đoàn Khánh	Linh	03/04/2004	KD10G	20					
6	000432	1001020170	Nguyễn Bảo	Linh	21/08/2004	KD10G	20					
7	000433	1001020177	Nguyễn Thùy	Linh	25/08/2004	KD10G	20					
8	000434	1001021013	Lại Thị Thảo	Ly	19/09/2004	KD10G	20					
9	000435	1001020196	Trần Thị Ngọc	Mai	12/09/2004	KD10G	20					
10	000436	1001021020	Nguyễn Văn	Minh	26/01/2004	KD10G	20					HP
11	000437	1001021745	Nguyễn Trà	My	27/03/2003	KD10G	20					
12	000438	1001020209	Đào Thị Quỳnh	Nga	01/01/2004	KD10G	20					
13	000439	1001020219	Nguyễn Kim	Ngọc	13/09/2004	KD10G	20					
14	000440	1001020225	Nguyễn Thị Thanh	Nhài	17/07/2004	KD10G	20					
15	000441	1001021035	Hoàng Nguyệt	Nhi	09/05/2004	KD10G	20					
16	000442	1001020235	Trịnh Yến	Nhi	13/10/2004	KD10G	20					
17	000443	1001020242	Trịnh Thị Hồng	Nhung	20/05/2004	KD10G	20					
18	000444	1001021043	Lê Hoàng Bảo	Phương	15/11/2003	KD10G	20					
19	000445	1001020981	Phạm Thu	Phương	06/11/2004	KD10G	20					
20	000446	1001020261	Trương Thị	Quyên	16/02/2004	KD10G	20					
21	000447	1001020272	Đào Thanh	Thảo	29/01/2004	KD10G	20					
22	000448	1001021404	Trần Thị Phương	Thảo	08/03/2004	KD10G	20					
23	000449	1001020288	Cao Thị	Thi	20/02/2004	KD10G	20					
24	000450	1001021065	Trần Thị Hà	Thu	06/01/2004	KD10G	20					
25	000451	1001020298	Đỗ Thị	Thùy	01/08/2004	KD10G	20					
26	000452	1001021068	Đỗ Thị Minh	Thùy	16/10/2004	KD10G	20					
27	000453	1001020308	Chu Thị Huyền	Trang	27/10/2004	KD10G	20					
28	000454	1001020900	Mẫn Thị	Trang	28/05/2004	KD10G	20					
29	000455	1001020451	Nguyễn Thùy	Trang	29/02/2004	KD10G	20					
30	000456	1001021582	Trần Ngọc	Tuấn	08/03/2004	KD10G	20					
31	000457	1001021583	Trần Thị Ánh	Tuyết	11/08/2004	KD10G	20					
32	000458	1001021084	Đặng Thị Thảo	Vân	21/06/2004	KD10G	20					HP
33	000459	1001021088	Nguyễn Thị Như	Ý	01/06/2004	KD10G	20					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000460	0901020352	Đỗ Thị Lan	Phương	20/12/2003	KD9B	20					
2	000461	0901020942	Nguyễn Thị Quế	Anh	11/12/2003	KD9D	20					
3	000462	0901020519	Phạm Thanh	Thảo	09/08/2003	KD9D	20					
4	000463	0901020808	Đường Thị Minh	Thư	06/09/2003	KD9D	20					
5	000464	0901010481	Trần Trung	Đức	16/01/2003	KA9A	21					
6	000465	0901060874	Trần Quỳnh	Nga	09/03/2003	KA9A	21					
7	000466	1001020023	Đỗ Văn	Anh	23/12/2003	KD10H	21					
8	000467	1001020032	Lê Thị Quỳnh	Anh	30/12/2004	KD10H	21					
9	000468	1001020038	Nguyễn Hữu	Anh	28/02/2004	KD10H	21					
10	000469	1001020043	Nguyễn Thị Minh	Anh	20/10/2004	KD10H	21					
11	000470	1001020061	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	24/07/2004	KD10H	21					
12	000471	1001020896	Trương Minh	Châu	20/08/2004	KD10H	21					
13	000472	1001021422	Nghiêm Quỳnh	Chi	29/02/2004	KD10H	21					
14	000473	1001020082	Vũ Thị	Dịu	10/07/2004	KD10H	21					
15	000474	1001020099	Nguyễn Thị Hương	Giang	08/10/2004	KD10H	21					
16	000475	1001020100	Nguyễn Thu	Giang	21/11/2003	KD10H	21					
17	000476	1001021521	Trần Ngọc	Hà	08/04/2004	KD10H	21					
18	000477	1001020119	Nguyễn Thị	Hậu	12/12/2004	KD10H	21					
19	000478	1001020553	Nguyễn Thúy	Hiền	09/07/2004	KD10H	21					
20	000479	1001020129	Trần Thu	Hoài	17/03/2004	KD10H	21					
21	000480	1001021533	Trần Thị	Huệ	26/03/2004	KD10H	21					
22	000481	1001020978	Hà Thị Thu	Hương	28/09/2004	KD10H	21					
23	000482	1001020142	Nguyễn Thị Xuân	Hương	05/08/2004	KD10H	21					
24	000483	1001020143	Tạ Thị	Hương	07/07/2004	KD10H	21					
25	000484	1001020148	Lê Khánh	Huyền	16/09/2004	KD10H	21					
26	000485	1001020990	Trần Thị	Huyền	26/07/2002	KD10H	21					
27	000486	1001020165	Đoàn Ngọc	Linh	04/03/2004	KD10H	21					
28	000487	1001020171	Nguyễn Hà	Linh	08/04/2004	KD10H	21					
29	000488	1001020173	Nguyễn Ngọc	Linh	21/11/2003	KD10H	21					
30	000489	1001020172	Nguyễn Ngọc	Linh	24/11/2004	KD10H	21					
31	000490	1001021006	Nguyễn Thùy	Linh	25/10/2004	KD10H	21					
32	000491	1001020621	Lê Thị Thảo	Ly	03/02/2004	KD10H	21					
33	000492	1001020191	Nguyễn Ngọc	Mai	09/08/2004	KD10H	21					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000493	1001020194	Nguyễn Thị Hoàng	Mai	11/08/2004	KD10H	21					
2	000494	1001020201	Vũ Quang	Minh	21/01/2004	KD10H	21					
3	000495	1001020208	Trần Thành	Nam	14/01/2004	KD10H	21					
4	000496	1001021026	Đỗ Thị	Ngân	09/10/2004	KD10H	21					
5	000497	1001021029	Nguyễn Minh	Ngọc	15/11/2004	KD10H	21					
6	000498	1001020230	Lã Yến	Nhi	14/03/2004	KD10H	21					
7	000499	1001020653	Bùi Thị	Nhung	09/09/2004	KD10H	21					
8	000500	1001020243	Đỗ Quốc	Oai	01/01/2004	KD10H	21					
9	000501	1001020249	Lê Thị Thu	Phương	12/08/2004	KD10H	21					
10	000502	1001021045	Nguyễn Thị	Phương	20/04/2004	KD10H	21					
11	000503	1001020254	Trương Thu	Phương	25/10/2004	KD10H	21					
12	000504	1001021053	Lê Anh	Tài	28/09/2004	KD10H	21					
13	000505	1001020274	Đỗ Thị Thu	Thảo	14/11/2004	KD10H	21					
14	000506	1001020281	Nguyễn Phương	Thảo	14/09/2004	KD10H	21					
15	000507	1001021060	Nguyễn Thị Phương	Thảo	06/07/2004	KD10H	21					
16	000508	1001021731	Phạm Thị Phương	Thảo	11/03/2004	KD10H	21					
17	000509	1001021308	Huỳnh Thị Thanh	Thư	08/10/2004	KD10H	21					
18	000510	1001021447	Đỗ Lê Minh	Trang	25/05/2004	KD10H	21					
19	000511	1001020313	Nguyễn Quỳnh	Trang	28/09/2004	KD10H	21					
20	000512	1001020326	Đỗ Quang	Tùng	13/09/2004	KD10H	21					
21	000513	1001021428	Hoàng Mỹ	Uyên	04/12/2004	KD10H	21					
22	000514	1001020337	Nguyễn Trường	Vũ	24/05/2004	KD10H	21					
23	000515	1001020342	Nguyễn Thị	Yên	22/02/2004	KD10H	21					
24	000516	0901020116	Nguyễn Thu	Hà	24/05/2003	KD9C	21					
25	000517	0901020738	Tạ Thị	Hoa	04/06/2003	KD9C	21					
26	000518	0901020638	Khuất Duy	Hưng	13/12/2003	KD9C	21					ĐK
27	000519	0810210103	Nông Đức	Mạnh	13/09/2002	KD9C	21					
28	000520	0901010763	Đào Bích	Ngọc	28/05/2002	TC9A	21					HP,ĐK
29	000521	810211600	Vương Minh	Anh	24/09/2002	KD8B	19					
30	000522	901020908	Kim Phương	Hoài	13/10/2003	KD9E	19					
31	000523	901030207	Ngô Minh	Hiển	30/05/2003	KD9D	20					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2